

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HC - ST

Ngày: 16 – 9 - 2022

V/v kiện Quyết định Hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí; Bà Hoàng Thị Thoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Nhân - Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 N 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 12/2022/TLST-HC ngày 22/3/2022 về kiện Quyết định hành chính theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2022/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 7 N 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hoàng Công D sinh N 1959; Địa chỉ: Thôn s, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955, địa chỉ: số nhà k, đường Q, tổ 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, do ông Hoàng Ngọc Đ Chủ tịch UBND thành phố Đ đại diện, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố Đ, ông Nguyễn Thăng L, Trưởng phòng TNMT thành phố Đ, có mặt.

+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Minh Đ, có mặt.

+ Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh Q. Đại diện theo ủy quyền, ông Ngô Văn Th, Phó cục trưởng Cục thuế tỉnh Q có mặt.

+ Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Đ-Q, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo ủy quyền, ông Đoàn Văn L, Phó chi cục trưởng, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Công T, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn h, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Ông Hoàng Công K, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn h, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Ông Hoàng Công T, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn h, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Ông Hoàng Công Tạo, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn h, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản đối thoại, người khởi kiện ông Hoàng Công D thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.390m² địa chỉ tại thôn h, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có nguồn gốc đất từ thời ông bà để lại cho cha, mẹ ông D là cụ Hoàng Công O và cụ bà Nguyễn Thị Th quản lý, sử dụng, có nhà ở trước năm 1960. Ngày 09/9/1991, thửa đất nói trên được UBND thị xã Đ công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Th, tổng diện tích 1.390m² (trong đó 200m² đất ở, sử dụng lâu dài; 700m² đất màu, thời hạn sử dụng lâu dài (đất kinh tế gia đình); 490m² đất màu (đất vườn còn lại). Vào những năm 1988; 1990; 1991; 1998 các em của ông D gồm các ông Hoàng Công T, ông Hoàng Công K, ông Hoàng Công T, ông Hoàng Công T lần lượt có vợ; Tại thời điểm đó cha, mẹ ông D chỉ đất cho các em ông D làm nhà ở ổn định trên thửa đất số 74, tờ bản đồ số 3 xã Lộc Ninh, cho đến ngày hôm nay. Cụ Hoàng Công O (chết năm 2011), mẹ là cụ Nguyễn Thị Th (chết năm 2017), không để lại di chúc. Anh chị em ông D không có tranh chấp, chỉ giao trách nhiệm cho ông D đứng ra làm thủ tục chuyển mục đích từ đất vườn, ao sang đất ở, tách thửa đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho các em ông D đứng tên toàn quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013, ngày 14/01/2021 ông D làm đơn đăng ký biến động gửi Sở Tài nguyên Môi trường xác định lại diện tích 1.190m² loại đất (T) đất vườn nằm trong cùng thửa đất số 74, tờ bản đồ số 3 tại thôn 2, xã L, thành phố Đ, được UBND thành phố Đ công nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1991 chuyển mục đích sang thành đất ở theo quy định của pháp luật và kèm theo đơn xin xác nhận được UBND xã L xác nhận ngày 13/01/2021. Như vậy, căn cứ giấy tờ đất nêu trên thì diện tích 1.190m² loại đất (T) đất vườn nằm trong cùng thửa đất số 74 đang có nhà ở thuộc diện đối tượng trong hạn mức đất ở khi xác định mục đích chuyển sang đất ở thì không phải nộp tiền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 “Cho phép ông Hoàng Công D, thường trú tại xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình hiện đang sử dụng thửa đất số 74, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.390 m² (trong đó đất ở nông thôn 200 m², đất trồng cây lâu N 1.190m²) tại xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình được chuyển mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm thành đất ở nông thôn với diện tích 750 m² (Bảy trăm năm mươi mét vuông) thời hạn sử dụng sau khi chuyển mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn lâu dài, đất trồng cây lâu năm sử dụng đến tháng 01/2047”. Nội dung Quyết định nêu trên không áp dụng đơn xin đăng ký biến động đất ngày 14/01/2021 (đơn xin xác định lại hạn mức đất ở) mà áp dụng đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất ngày 26/4/2021 là không đúng, trái pháp luật và cố ý làm sai lệch thông tin về mục đích

sử dụng đất của ông D từ đất màu (đất kinh tế gia đình, đất vườn còn lại) biến thành đất trồng cây lâu năm. Việc này xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, vi phạm khoản 4, 8, 9, 10 Điều 12 và khoản 2, khoản 6, Điều 103 của Luật Đất đai.

Tại phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 8912/PCTTĐC ngày 01/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ có ghi nội dung:

“- 2.1.3: Vị trí theo bảng giá đất.

+ Đường/đoạn đường khu vực: Lý Thánh Tông (đoạn từ cầu Lộc Đại đến phía Nam đường 16/6).

+ Vị trí thửa đất: 1 (một) hệ số...; đất trồng cây lâu N. - 2.1.4: Diện tích thửa đất: 1.390m² (trong đó ONT: 200 m²; CLN: 1.190 m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 750 m².

- Diện tích đất ngoài hạn mức: 750 m².

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 750 m².

- Nguồn gốc sử dụng đất: Công nhận QSDĐ. - Mục đích sử dụng đất: ONT + CLN

- Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích CLN (đất vườn ao liền kề) và các điểm 2.1.7; 2.1.8; 2.1.9: Có lợi cho người sử dụng đất lại để trồng không ghi?”

Toàn bộ nội dung thông tin nêu trên (trừ điểm nguồn gốc sử dụng đất) có ý ghi không đúng để làm sai lệch thông tin; thực tế với giấy tờ mà ông D đã nộp kèm theo đơn đăng ký biến động đất ngày 14/01/2021 và những yêu cầu trong đơn là yêu cầu xác định diện tích 1.190 m² đất vườn chuyển mục đích thành đất ở theo quy định Luật Đất đai. Cụ thể căn cứ theo giấy tờ trước khi chuyển mục đích là đất ONT, đất màu (đất kinh tế gia đình, đất vườn còn lại) nằm trong thửa đất số 74 nhưng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố cố ý cho rằng mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích CLN (đất vườn ao liền kề) bắt buộc phải nộp tiền đất, xâm hại đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, vi phạm khoản 4, 8, 9, 10 Điều 12 và khoản 2, khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai N 2013.

Ngày 10/6/2021, Chi Cục thuế khu vực Đ-Q ra thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2140701TK0014368/TB-CCT và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB 2140301-TK0014369/TB-CCT

Ngày 02/9/2021, ông khiếu nại Chi cục thuế khu vực Đ-Q về hai thông báo nêu trên.

Ngày 22/10/2021, Chi cục trưởng Chi cục thuế ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4351/QĐ-CCT. Việc giải quyết khiếu nại vi phạm nghiêm trọng thủ tục giải quyết khiếu nại vì không có thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại, không có quyết định về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, không tổ chức đối thoại mà bất chấp pháp luật cố ý phán quyết cho rằng việc Chi cục thuế khu vực Đ-Q tính tiền như trong thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2140701TK0014368/TB-CCT ngày 10/6/2021 và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB 2140301-TK0014369/TB-CCT ngày 10/6/2021 là đúng theo quy định. Ông không đồng ý với quyết định trên nên ngày 16/11/2021 có đơn khiếu nại

yêu cầu Cục trưởng Cục thuế tỉnh Q giải quyết khiếu nại lần hai và được Cục thuế thụ lý giải quyết. Cụ thể nội dung tại biên bản đối thoại ngày 13/12/2021 tại mục III kết quả đối thoại và kết luận của người giải quyết khiếu nại nêu rõ: “*Cơ quan thuế đã giải thích căn cứ pháp lý, nguồn số liệu tính toán và phương pháp tính toán nghĩa vụ tài chính đối với hộ ông Hoàng Công D, tuy nhiên người khiếu nại chưa thống nhất với giải thích của cơ quan thuế, đồng thời đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 103 Luật Đất đai và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP. Kết luận: Ghi nhận các ý kiến của các bên và tiếp tục xem xét, thực hiện các bước giải quyết khiếu nại tiếp theo theo quy định*”.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy, thu hồi Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Quyết định hành chính số 4351/QĐ-CCTKV ngày 22/10/2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Đ-Q, tỉnh Quảng Bình, thu hồi phiếu chuyển thông tin số 8912/PCTTĐC ngày 01/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, chấp nhận không thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích loại đất (T) đất vườn còn lại tại thửa đất số 74 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND thị xã Đ công nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị Th ngày 09/9/1991 chuyển sang đất ở, buộc UBND thành phố Đ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ, Cục thuế tỉnh Q, Chi cục thuế khu vực Đ-Q, tỉnh Quảng Bình chấm dứt hành vi vi phạm liên quan đến quyền sử dụng đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 3, xã L, thành phố Đ

*** Ý kiến của UBND thành phố Đ:**

Ông Hoàng Công D nhận phân chia di sản của bà Nguyễn Thị Th đối với quyền sử dụng thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã Lộc Ninh, diện tích 1.390 m², trong đó đất ở 200 m², đất màu 1.190 m² được UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1991 theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 5710, quyền số 12/2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Trần Trọng K.

- Trình tự, thủ tục hành chính và thẩm quyền ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của UBND thành phố Đ:

Ngày 28/4/2021, ông Nguyễn Văn N nộp hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất tại quây số 6 Trung tâm giao dịch một cửa liên thông thành phố Đ đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã Lộc Ninh, thành phố Đ (do ông Hoàng Công D ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền số 232 quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng Công chứng Trần Trọng K ngày 13/01/2021), thành phần hồ sơ gồm có:

+ Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường do ông Hoàng Công D lập ngày 14/4/2021.

+ Bản gốc GCNQSDĐ: số vào sổ 02621 QSDĐ/02QĐ-UB-ĐH, số phát hành A 806345 do UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) cấp ngày 09/9/1991 tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã L mang tên bà Nguyễn Thị Th.

+ Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất theo mẫu số 01/LPTB ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

+ Tờ khai nộp tiền sử dụng đất 01/TSDĐ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính.

Hồ sơ của ông Nguyễn Văn N được tiếp nhận tại Trung tâm Một cửa UBND thành phố Đ và lập phiếu tiếp nhận ngày 28/4/2021, có mã số là: 000.00.51.H46210428-0008/NHS-MC. Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm một cửa liên thông thành phố chuyển đến, ngày 07/5/2021, Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố đã phối hợp với Phòng Quản lý đô thị và UBND xã L thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của ông Hoàng Công D, tại xã L, thành phố Đ đối với các thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã Lộc Ninh. Trên cơ sở kết quả thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, ngày 24/5/2021, Phòng Tài nguyên - Môi trường có Tờ trình số 1444/TTr-TNMT đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cho phép ông Hoàng Công D chuyển mục đích sử dụng đất tại xã L, thành phố Đ đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã L. Trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài nguyên - Môi trường UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 về việc cho phép ông Hoàng Công D chuyển mục đích sử dụng 750m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã L.

Sau khi có Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, ngày 31/5/2021, Phòng Tài nguyên - Môi trường chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục Thuế khu vực Đ-Q và UBND xã L thẩm định, thống nhất lựa chọn phương pháp xác định giá đất khi chuyển mục đích trên địa bàn thành phố, theo đó diện tích xin chuyển mục đích của thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã L có giá trị nhỏ hơn 20 tỷ đồng, vì vậy việc xác định giá đất được áp dụng theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

Trên cơ sở kết quả thẩm định, thống nhất lựa chọn phương pháp xác định giá đất Phòng Tài nguyên - Môi trường chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để chuyển thông tin địa chính đến Chi cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính. Ngày 01/6/2021, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ chuyển thông tin địa chính gửi Chi cục Thuế khu vực Đ-Q đề nghị xác định nghĩa vụ tài chính theo Phiếu chuyển số 8912/PCTTĐC đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã L của ông D.

Ngày 10/6/2021, Chi cục Thuế khu vực Đ-Q đã ban hành các thông báo nộp tiền sử dụng đất, gồm Thông báo số LTB2140701TK0014368/TB-CCT đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã L.

Đến nay, ông D chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định nên chưa được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ xác nhận nội dung biến động vào Giấy chứng nhận hoặc lập hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận mới để trả kết quả cho ông D.

Như vậy, việc Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 về việc cho phép ông Hoàng Công D chuyển mục đích sử dụng đất tại xã L là thực hiện thủ tục hành chính trên cơ sở hồ sơ đề nghị đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của ông Hoàng

Công D nộp tại quầy số 6 Trung tâm giao dịch một cửa liên thông thành phố Đồng Hới vào ngày 28/4/2021. Trình tự, thủ tục hành chính và thẩm quyền về cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai N 2013, Điều 60, Điều 69 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 6 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Điều 10 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTCBTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất và Điều 7 Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định trình tự, thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai áp dụng cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Việc ông Nguyễn Văn N – Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Hoàng Công D cho rằng UBND thành phố Đồng Hới ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên là sai quy định và đề nghị UBND thành phố Đồng Hới thu hồi và hủy bỏ là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét bác đơn của ông Nguyễn Văn N đề nghị hủy quyết định hành chính nói trên.

Ý kiến của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Q và Chi cục trưởng chi cục Thuế khu vực Đ-Q, tỉnh Quảng Bình:

Tại biên bản phiên họp đối thoại ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Cục Thuế tỉnh Q và Chi cục Thuế khu vực Đ-Q đều trình bày dựa vào các thông tin tại phiếu chuyển thông tin để tính thuế theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung trong đơn khởi kiện của ông Hoàng Công D trình bày, các cơ quan Thuế giữ nguyên các quyết định đã ban hành và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét bác đơn của ông N đề nghị hủy quyết định hành chính nói trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người được ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị UBND thành phố chuyển hồ sơ sang Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định lại diện tích đất ở của gia đình ông D theo quy định; Đại diện hợp pháp cho những người bị kiện giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện, đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Tấn, ông Kỷ, ông Tiến, ông Tạo nhất trí ý kiến của ông N trình bày không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng, từ khi thụ lý đơn khởi kiện cho đến phiên tòa sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về tố tụng hành chính. Về nội dung, Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Các Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Đ về việc quyết định cho phép ông Hoàng Công D chuyển mục đích sử dụng đất tại xã L, thành phố Đ, Quyết định số 4351/QĐ-CCTKV ngày 22/10/2021 của Chi cục thuế khu vực Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Công D (lần đầu); Quyết định số 1986/QĐ-CT ngày 31/12/2021 của Cục Thuế tỉnh Quảng Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần hai) thuộc đối tượng khởi kiện vụ án Hành chính và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính. Đơn khởi kiện còn trong hạn luật định theo khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Phiếu chuyển số 8912/PCTTĐC ngày 01/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì quyết định hành chính bị khởi kiện được hiểu là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý nhà nước, được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Quyết định hành chính bị kiện là quyết định làm phát sinh, thay đổi hạn chế, chấm dứt quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Theo quy định tại khoản 4 Điều 10, khoản 1 Điều 12 Thông tư 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 thì Văn phòng, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm lập phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất. Cơ quan thuế có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra thông tin. Căn cứ vào các quy định nói trên thì phiếu chuyển thông tin là văn bản hành chính nhưng chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Vì vậy, phiếu chuyển thông tin số 8912/PCTTĐC của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và không thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính của Tòa án. Căn cứ điểm đ Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông D về việc hủy phiếu chuyển thông tin số 8912/PCTTĐC của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ.

[2]. Về nội dung khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Đ; Quyết định số 4351/QĐ-CCTKV ngày 22/10/2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Đ-Q; Quyết định số 1986/QĐ-CT ngày 31/12/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình,

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, căn cứ ban hành Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Đồng Hới: Sau khi tiếp nhận hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất, Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố đã phối hợp với Phòng Quản lý đô thị và UBND xã Lộc Ninh thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của ông Hoàng Công D tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã Lộc Ninh. Trên cơ sở kết quả thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

UBND thành phố Đồng Hới đã ban hành Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 về việc cho phép ông Hoàng Công D chuyển mục đích sử dụng 750m² đất trồng cây lâu N sang đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 03, xã Lộc Ninh. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ra quyết định cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất nói trên là đúng quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai N 2013, Điều 60, Điều 69 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 6 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Ông N cho rằng, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thoi ghi 200m² đất ở, 700m² đất màu (thời hạn sử dụng lâu dài, đất kinh tế gia đình) và 490m² đất màu (đất vườn còn lại) thì khi ông D yêu cầu xác nhận lại diện tích ao vườn trong diện tích đất có nhà ở, theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai 2013 và điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định 43 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai đương nhiên diện tích đất ao vườn sẽ chuyển thành đất ở chứ không cần chuyển mục đích sử dụng đất. UBND thành phố Đồng Hới đã biến “Đất vườn” ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thoi thành “Đất trồng cây lâu N” là sai mục đích sử dụng đất, từ đó buộc nộp tiền sử dụng đất là sai quy định. Đối với lập luận trên của ông N, đại diện phía người khởi kiện, hội đồng xét xử thấy: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 24 Nghị định 43 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thì “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng thửa đất có vườn ao gắn liền với nhà ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 thì diện tích đất ở được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Trường hợp bà Nguyễn Thị Thoi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1991, giấy ghi rõ diện tích đất ở 200m² và diện tích đất vườn cũng được công nhận trong giấy chứng nhận. Trường hợp ông D viện dẫn điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định 43 và Điều 103 Luật Đất đai không thuộc trường hợp sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thoi. Do đó, theo Điều 57 Luật Đất đai thì khi chuyển mục đích sử dụng đất người sử dụng đất phải làm đơn, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính như nội dung quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Đồng Hới là có căn cứ pháp luật. Theo ông N thì “đất vườn” không phải là “đất trồng cây hàng N”. Tuy nhiên, theo Quyết định 507/1999/QĐ-TCĐC ngày 12/10/1999 thì đất vườn là diện tích đất gắn liền với diện tích đất ở thuộc khuôn viên của mỗi hộ gia đình trong các khu dân cư trồng xen kẽ các loại cây hàng N và lâu N. Và theo Điều 10 Luật đất đai năm 2013 thì đất trồng cây hàng năm hay lâu năm đều thuộc đất nông nghiệp và khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất đều thuộc trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Do đó, người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Đ là không có căn cứ.

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, căn cứ ban hành Quyết định số 4351/QĐ-CCTKV ngày 22/10/2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Đ-Q (quyết định giải quyết khiếu nại lần 1) và Quyết định số 1986/QĐ-CT ngày 31/12/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Q.

Sau khi có báo thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2140701TK0014368/TB-CCT và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số LTB 2140301-TK0014369/TB-CCT, ông D tiến hành khiếu nại về các thông báo trên. Chi cục Trưởng chi cục thuế khu vực Đ-Q và Cục trưởng Cục thuế Q ra quyết định giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2 là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 17, Điều 19, khoản 2 Điều 20 Luật khiếu nại. Trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại. Theo ông D trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, Chi cục thuế khu vực Đ-Q không tiến hành xác minh đối thoại là không có căn cứ.

Về căn cứ ra quyết định giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2: ông D cho rằng theo điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 “Trường hợp đang sử dụng đất phi nông nghiệp đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng ổn định trước 01/7/2004 mà không phải được nhà nước giao đất hoặc cho thuê thì khi chuyển mục đích sang đất ở không phải nộp tiền sử dụng đất”. Tại thông báo nộp thuế ngày 10/6/2021 chi Cục thuế ghi “đất được Nhà nước giao, cho thuê” để buộc ông D nộp 50% tiền thuế đất là không đúng. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử thấy:

Theo quyết định của UBND thành phố Đ cho phép chuyển đổi 750m² đất nông nghiệp sang đất ở. Theo Điều 10 Luật đất đai, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định 45/NĐ-CP thì ông D phải nộp thuế. Ông D không thuộc trường hợp chuyển đổi đất phi nông nghiệp sang đất ở. Việc ông N viện dẫn ông D sử dụng đất thuộc quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định 45/NĐ-CP là không chính xác.

Các quyết định giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2 của Chi cục trưởng chi cục thuế khu vực Đ-Q và của Cục trưởng cục thuế Q không công nhận nội dung khiếu nại của ông D là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Về yêu cầu bổ sung tại phiên tòa yêu cầu UBND thành phố Đ chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên môi trường để xác định lại đất ở cho ông D theo quy định: Vấn đề này vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, thấy cần bác yêu cầu của ông D về yêu cầu hủy các Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Đ; Quyết định số 1986/QĐ-CT ngày 31/12/2021 của Cục Thuế tỉnh Q, Quyết định số 4351/QĐ-CCTKV ngày 22/10/2021 của Chi cục thuế khu vực Đ-Q

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công D không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Tuy nhiên ông D là người trên 60 tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 khoản 1 Điều 116 điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 10, Điều 57, Điều 59, Điều 103 Luật Đất đai N 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn thi hành Luật đất đai, Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 17, Điều 19, khoản 2 Điều 20, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37,

38, 39, 40 Luật khiếu nại; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công D về yêu cầu hủy các quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Đ; Quyết định số 1986/QĐ-CT ngày 31/12/2021 của Cục trưởng cục Thuế tỉnh Q, Quyết định số 4351/QĐ-CCTKV ngày 22/10/2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Đ- Q; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công D về yêu cầu hủy phiếu chuyển thông tin số 8912/PCTTĐC ngày 01/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Hoàng Công D.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/9/2022), các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này để yêu cầu Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa tổng đạt.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Từ Thị Hải Dương